

Hồ Dzếnh

Anh đở phụ

Đã lâu, lâu lắm rồi, người dân xã Hòa Trường không ai còn nghe nói đến tăm hơi anh đở Phụ ở đâu nữa. Nhiều người đồn rằng anh đã chết bên Tân thế giới. Riêng tôi, tôi không sao quên được anh, mà không quên được anh, có nghĩa là anh vẫn sống, ít nhất là trong ký ức tôi.

Mãi đến năm hơn ba mươi tuổi, anh đở Phụ mới đến làm rể mẹ tôi để chờ ngày cưới chị Yên về làm vợ. Đó là một anh chàng rụt rè, nhút nhát, đối với nhà vợ rất nể sợ, nhưng lại tỏ ra hết sức tháo vát trong mọi công việc. Lui tới nhà tôi trong hơn hai năm, anh giữ gìn từng cử chỉ, lời nói, ngay cả việc giáp mặt chị Yên, anh cũng cố tránh để khỏi mang tiếng là suồng sã. Mẹ tôi thương anh vì anh nết na, cần cù, giao cho việc gì cũng làm đến nơi, đến chốn. Mẹ tôi thường nói:

- Thằng Phụ nó nghèo nhưng là cái nghèo thanh bạch. Ông Biếm lại là ông đồ nho hay chữ nhất xã.

Ông Biếm là bố anh đở Phụ. Vác lều chõng đi thi hỏng tú tài, thất thế, ông quay về làng mở lớp dạy học. Cái thuở "chi, hồ, giả,

dã" nhanh chóng qua đi, học trò ông Biếm sớm đổi ngọn bút lông sang ngòi bút sắt. Trong đám môn sinh thừa vắng dần, chỉ còn một người theo học, ngoan ngoãn nằm rạp trên chiếc chiếu, mài mực, chép bài. Người đó là anh đở Phụ, vừa là con, vừa là môn đệ của thầy.

Rồi anh Phụ cũng thôi học nốt. Vốn liếng chữ nghĩa bố ban cho, anh Phụ chỉ còn giữ lại được mười trang luận ngữ và anh chuyển sang đọc chữ Nôm, dựa vào cuốn Kim Vân Kiều truyện khắc gỗ, in chân phương trên nền giấy bản:

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Tiếng anh đở Phụ ngâm Kiều nghe buồn như tiếng xe gỗ vào những chiều nắng tà hiu hắt. Và cái nghèo, cái đói cũng len lỏi vào ba gian nhà lá thừa tự, làm hốc hác thêm nét mặt người bố và làm rạn dần hai bộ quần áo may bằng vải trúc bầu, lâu ngày sợi đã bở, của hai bố con ông Biếm.

Hồi gia đình tôi mới đến "ngụ cư" ở xã Hòa Trường này, ba tôi tìm tới kết thân với ông Biếm. Ông là người được xóm làng vị nể, họ bên ngoại ông lại trùng với họ chúng tôi. Theo một tập tục

đã có từ nhiều đời, ba tôi, mỗi khi đến ngụ cư ở đâu, thường vẫn tìm những người "đồng tính", hoặc "đồng tuế", "đồng hương" để kết nghĩa. Hơn nữa, ông Biếm lại am hiểu Hán học, nên qua những câu chuyện trao đổi, ông trở thành người bạn tâm đắc với ba tôi. Mỗi lần sang nhà ông chơi, ba tôi đều dắt tôi đi theo. Đó cũng chính là đầu mối thân quen đưa đẩy anh đở Phụ trở thành người con rể trong gia đình chúng tôi.

Còn chị Yên, chị gái nuôi, thì mẹ tôi đặt đâu chị ngồi đó, tuổi chị cũng xấp xỉ tuổi anh Phụ, và cũng ước mong kín đáo một tấm chồng chân chỉ như anh.

Thấy anh đở Phụ lần nào đến với chúng tôi cũng chỉ với cái áo cánh nâu, chiếc quần nâu, tôi hiểu ngay rằng anh chỉ có độc một bộ như thế mà khi về nhà anh cởi ngay ra, để mặc vào chiếc quần vá, hoặc đóng một cái khố nâu. ở quê tôi ngày xưa, đàn ông nghèo đóng khố ra đường là chuyện thường thấy. Một lần, tôi bảo nhỏ anh Phụ:

- Anh em còn mấy bộ quần áo đấy. Hay là em lấy đưa anh mặc tạm nhé?

Tức thì anh Phụ rôi rít xua tay, mặt ửng đỏ:

- Chết! Ai lại làm thế. Mẹ biết, mẹ cười cho!

ý anh Phụ muốn nói:

- ... Chị Yên biết, chị Yên cười cho.

Nhưng anh không dám nhắc đến hai tiếng "chị Yên".

Đã là người thân của anh Phụ, tôi hay sang nhà anh chơi. Nhà anh ngăn nắp nhưng có vẻ trống trải, mái lá, vách đất, sân bằng đất nện, nửa sào vườn trồng mấy hàng cây cam, cây bưởi, vài thân cau. Từ ngõ chạy vào là hai hàng rào râm bụt cắt tia gọn gàng. Những ngày hè oi ả, sang nhà anh chơi, tôi có cái cảm giác như được hưởng những làn gió mát rượi, làn gió thường ngày vẫn lay động nhẹ nhàng chiếc quần vải trúc bầu phoi trên dây thừng, cái quần độc nhất ông Biếm đợi khô để nương nhẹ mặc vào, mỗi khi có việc ra đường hay đi ăn cỗ. Ông Biếm sống bằng nghề viết câu đối và tính hộ ngày giờ hung cát cho những đôi lứa thành thân.

Vốn liếng hàng năm của gia đình ông là hai mùa trẩy quả vườn đem ra chợ bán, chất chiu để dành trong cái tráp gỗ sơn đen. Từ

ngày được nhận làm thông gia với nhà tôi, ông Biếm mỗi năm ba bốn lần biện một món lễ sang sêu tết, có khi là mâm xôi, con gà, có khi là mấy gói chè hương, khay ngũ quả. Tôi còn nhỏ, nhưng cũng hiểu ra rằng, để sắm được một món lễ cho ra lễ như thế, ông Biếm và anh Phụ đã phải bóp bụng, bớt ăn trong nhiều ngày.

Hơn hai năm qua đi. Sắp đến ngày mãn tang ba tôi. Sắp đến ngày anh Phụ bỏ miếng trầu ăn hỏi, và thế là niềm mong ước bao lâu nay của ông Biếm đã có cơ thành sự thật. Lấy anh đở Phụ, chị Yên không phải sống xa nhà, chị có nhiều dịp tạt về thăm chúng tôi, cũng như tôi, bất cứ lúc nào, cũng có thể dễ dàng đến với chị. Cái hạnh phúc nhỏ bé của lòng tôi sao mà náo nức, thiết tha và gần gũi đến thế!

Chị Yên! Nếu đời chị đừng gặp một tai họa éo le, nếu chị cứ là chị Yên ước mong thầm kín một người chồng hiền lành như anh Phụ, thì đâu đến nỗi chị phải xa lìa tôi, lẩn tránh mọi người, và tôi đâu có phải viết ra câu chuyện tình đau xót hôm nay!

Cả anh Phụ nữa, sao cái bóng dáng hiền lành của anh lúc này không còn thấp thoáng hiện ra qua hàng rào cây ruối nữa, cái bóng dáng cố làm ra thản nhiên, nhưng kỳ thực là bối rối, xao xuyến, mỗi lần anh đến nhà tôi?

Chỉ còn một tháng nữa, ba mươi ngày nữa, một tuần trăng nữa, là anh đờ Phụ sẽ đem lễ sang nhà tôi xin cưới chị Yên! Đột nhiên, như một cơn gió độc, người cậu họ tôi, không rõ từ đâu, sà xuống mái nhà chúng tôi, ở lý làm một vị khách báo hại. Những cái gì xấu xa, bị ỏỉ xảy đến với người con gái đang khắp khởi tin vui, người con gái đau khổ, tôi đã có dịp viết hết ra trong truyện "Chị Yên".

Anh Phụ không biết gì hết.

Mọi người trong nhà tôi không ai biết gì hết.

Chỉ có hai người biết: cậu tôi - tên tội phạm - và tôi. Nhưng cậu tôi đã bỏ nhà tôi, trốn biệt. Tôi ở lại, nhưng tôi lại phải ngậm miệng, giấu tận đáy lòng một sự thật tàn nhẫn mà nếu hở ra, tôi chắc sẽ làm cho đời anh đờ Phụ tan nát. Thà cứ để anh ấy không biết gì cả, cứ để anh ngờ vực, phỏng đoán, kín đáo dò hỏi xung quanh. Rồi không dần lòng được mãi, một hôm anh kéo tôi lại sát gần, hỏi rất nhỏ:

- Nói thật cho anh biết đi em. Tại sao chị Yên lại bỏ nhà ra đi?
Ai đánh chị hay đuổi chị?

Tôi trả lời mà đôi mắt cay sè, nóng bỏng:

- Em không biết. Em không biết thật mà. Chắc là... chắc là chị ấy bị mẹ mình dỗ đi không chừng.

Giá như mọi lần, nghe tôi nói như thế, anh Phụ đã cười. Nhưng lần này anh không còn có thể cười được nữa. Mặt anh đanh lại. Tiếng anh nói, tôi nghe thều thào, không thật, tiếng nói như rơi vào một khoảng trống rỗng mơ hồ:

- Là thật em nhỉ? Sao chị Yên lại bỏ nhà ra đi?

Rồi anh nằm vật xuống giường, một tay vất lên trán, thở dài. Đó là một dáng nằm chán chường, tuyệt vọng. Tại sao tôi không nói thẳng cho anh biết rằng chị Yên của tôi, người vợ sắp cưới của anh, đã bị một tên khốn nạn làm nhục? Tại sao? Tôi chỉ còn biết trả lời cho chính tôi nghe mà thôi.

Từ hôm chị Yên bỏ nhà ra đi, việc làm đầu tiên của mẹ tôi là sang xin lỗi ông Biếm và xin trả của lại cho ông. Mẹ tôi tính nhảm lại những món lễ ông mang sang biếu nhà tôi, hết bao nhiêu, để mẹ tôi đáp lại bằng số tiền rộng rãi gấp bội.

Nhưng ông Biêm một mực từ chối. Đôi mắt ông vốn đã buồn, lúc này càng buồn hơn. Ông vẫn mặc bộ quần áo vải trúc bâu đã sờn để tiếp chuyện mẹ tôi, bộ cánh ngày nào ông mặc vào những lần sang sêu tết. Tôi nhận thấy ông già đi nhiều, đôi gò má nhô lên và nước da khô héo. Giọng ông run run, chậm rãi:

- Bà cũng như tôi, có ai muốn chuyện xảy ra như thế này đâu. Chỉ thương thằng Phụ nhà tôi, hơn ba chục tuổi đầu rồi mà vẫn còn chịu cảnh hẩm hiu. Chỗ đi lại thân tình từ ngày còn ông cụ, xin bà chước cho món tiền trả của.

Nói xong, ông lim dim mắt nhìn ra ngoài vườn đầy nắng gió. Vẫn là thứ gió hiền hòa, nhẹ nhàng phe phẩy ngọn cau, giậu hoa râm bụt, thứ gió đã đón tôi ngày nào tôi sang chơi với anh đồ Phụ.

Không trả được của cho ông Biêm, mẹ tôi tính sang một chuyện khác, hy vọng có thể làm người ngoai được nổi lòng anh Phụ. Đạo đó, mẹ tôi quen biết một nhà thuyền chuyên đến khắp nẻo bến chợ, buôn bán, đổi chác các mặt hàng. Chủ thuyền là một bà trước đây ở thị xã, có một cô gái lớn chưa chồng. Họ cần một tay chèo lái. Dịp may hiếm có, mẹ tôi giới thiệu anh đồ Phụ. Thoạt

đầu, anh không bằng lòng. Mẹ tôi cố nói vào để anh xiêu lòng dần:

- Anh chịu khó xuống thuyền với họ. Họ là những người làm ăn thật thà, may ra anh cũng có phận nhờ. Con Yên nó không lấy được anh là một thiệt thòi cho nó lắm. Anh phải thương lấy ông cụ, thương lấy anh.

Mẹ tôi đã tính toán và xếp đặt rất khéo. Anh đở Phụ đến sống trong khoang thuyền chật hẹp, làm sao khỏi có những "ra đụng vào chạm" với cô gái con bà chủ? Trước lạ, sau quen, hướng hồ anh Phụ lại là người cần cù, chịu thương, chịu khó, thì sớm hay muộn, lửa gần rơm lâu ngày cũng bén.

Cuộc đời sông nước của người con trai xã Hòa Trường bắt đầu từ đó. Đã nhiều canh gà lạ eo óc trên những bến sông xa. Đã nhiều lần sao hôm, sao mai thay nhau hiện ra rồi lịm tắt. Nhưng hình bóng anh đở Phụ vẫn còn nguyên vẹn trong ký ức tôi, thấp thoáng bên kia hàng rào cây ruối, mỗi lần anh đến nhà tôi. Cũng như còn nguyên vẹn cái vẻ hót hải của chị Yên, khi chị nắm chặt cánh tay tôi lần chót, rồi vội vã bỏ ra đi vào một buổi sáng còn chưa rõ mặt người.

Chị Yên! Chị đi đâu đấy? Tại sao tôi không đủ can đảm nói thật tất cả cho anh đở Phụ biết? Tôi không dám nói ra vì đó là sự thật! "Có những sự thật không nên nói ra", ai đã viết nên câu chân lý đó?

Tôi mong cho con thuyền đưa anh Phụ trên các triền sông được thuận buồm, xuôi gió, cuộc đời anh được bình an ghé lại một bờ bến yêu thương. Mẹ tôi có lần vui vẻ nói với chúng tôi:

- Thăng cha đở Phụ tưởng không gặp may, thế mà lại hóa ra tốt số. Thôi thì cũng mừng cho nó.

Nhưng mẹ tôi mừng hơi vội, vì một hôm, bất ngờ, anh đở Phụ đã trở lại. Anh không còn là anh đở Phụ ngày nào nữa. Nước da anh đã sạm nắng gió. Anh gầy đi trông thấy, đôi mắt đăm chiêu mỗi mệ. Chỉ khác trước đây là anh đã có thêm bộ quần áo bằng vải thô nhuộm màu chàm xanh lơ như màu sông nước.

Anh trở về, nhưng không còn ghé lại nhà chúng tôi như bao nhiêu lần trước nữa. Trong ba gian nhà lá thừa tự, bên cạnh người bố già, anh sống lủi lủi như một chiếc bóng cô đơn. Đã tắt hẳn cái giọng kể chuyện Kiều kéo dài và buồn man mác. Ngay cả tôi là người anh vẫn từng tỏ ra triu mến, anh cũng tìm cách

lánh mặt, hôm tôi đến gặp anh, trước khi lên đường ra thị xã học tiếp. Tuy anh không hé môi nói vì sao anh bỏ mẹ con bà chủ thuyền để trở về với cái xã Hòa Trường heo hút này, nhưng chúng tôi đều biết rằng, một lần nữa, đời anh lại "đứt gánh". Con thuyền buôn ghé lại ăn hàng trên các bến sông, đã thay chủ, và người chủ thuê mướn anh cũng đã thay lòng. Không còn chuyện "lửa gần rơm" như hôm nào mẹ tôi từng mong ước cho anh đỗ Phụ, cho chú rể hờ.

*

* *

Tôi ra tỉnh vừa học, vừa làm "gia sư" cho một nhà hàng cơm sát ngay ga xe lửa thị xã. Tại đây, có nhiều toán người thay nhau đến ăn cơm và ngủ trọ. Hầu như ngày nào cũng diễn ra những quang cảnh lạ lùng: những đợt mộ phu đi đất đỏ cao su và sang Tân thế giới. Những tên cai mộ phu lì lợm, mặt cắt không ra một giọt máu, mở túi bạc trả tiền mua người theo một giá ấn định, sau khi đã cầm từng ngón tay bắt lẩn và điểm chỉ lên tờ giấy cam đoan đóng sẵn con dấu nhà thầu: mười đồng một đầu phu sang Tân thế giới và năm đồng đến đất đỏ Nam Kỳ. Chỉ sau một cử chỉ khô, gọn là nhận số tiền định mạng, con người chột thấy hoang mang, nghe như có nhát dao nào cắt đứt lìa mình khỏi

cuộc đời quen thuộc, khỏi thân thích, quê hương.

Một hôm, đang đứng chứng kiến cảnh đau lòng kia, tôi bỗng giật mình nghe có tiếng ai gọi:

- Cậu! Cậu út!

Tôi đưa mắt tìm: anh đỏ Phụ! Bên cạnh anh là người chị gái nghe tin em đi phu, nên vội ra thị xã tiễn chân. Tôi chạy lại với anh. Anh vẫn mặc bộ quần áo xanh lơ màu sông nước, chỉ khác là phía trên ngực, vừa đính thêm một mảnh vải trắng mang hàng chữ số phu phen! Tôi ghen ngào hỏi anh:

- Anh đi đâu đấy anh Phụ? Sao anh lại ở đây?

Anh đưa ống tay áo lên gạt nước mắt, trả lời tôi:

- Tôi đi phu Tân Thế Giới cậu ạ. Ra đây tìm mãi không được việc làm. Thôi thì cũng liêu một chuyến, có người, có ta, lo gì!

Từ phút gặp lại nhau, anh đỏ Phụ và tôi không lúc nào còn muốn rời nhau ra nữa. Cả hai chúng tôi cùng nằm chờ tàu ngoài sân ga, suốt một đêm dài. Chúng tôi yên lặng nhiều hơn là nói chuyện,

những câu chuyện ngày xưa vô cùng, vô tận, nhưng lại đứt đoạn, rời rạc, vì tâm trạng chúng tôi đang ở vào một cực độ hoang mang. Cũng như tôi, anh Phụ tránh không nhắc đến tên chị Yên, tuy anh có hỏi thăm mẹ tôi.

Đêm đó, tôi mong cho con tàu đừng đến, mong anh Phụ đổi ý, trở về. Nhưng tất cả chỉ là ước mơ hờ hảo. Anh đỏ Phụ đã lăn tay, đã điếm chỉ rồi. Anh đã dúm vào bàn tay người chị gái tờ giấy bạc con công năm đồng, nửa số tiền bán đời mình để gửi về phụng dưỡng bố.

Và con tàu đang lù lù tiến đến, sau một hồi còi thét lên, xé ruột. Anh đỏ Phụ đứng bật dậy. Tôi ôm ghì lấy anh, khóc nức nở. Một bàn tay chắc nịch kéo tôi ra, ấn anh Phụ và toán phu vào trong cái toa sắt đen ngòm, cái toa thường ngày vẫn dùng chở súc vật, khóa lại.

Khi đoàn tàu lừ lừ chuyển bánh, từ giữa đám người còn hoang mang, ngỡ ngác, chị gái anh đỏ Phụ vụt lao ra, đâm bổ chạy theo tàu, chạy theo em, chạy thật nhanh, gào khóc, vẫy gọi, như muốn giằng lại khối thép, cho đến khi đứt hơi, chị nằm ngã vật xuống bên đường.

Con tàu mở hết tốc lực, phun khói mịt mù.

Từ phút đó, không bao giờ tôi còn gặp lại anh đở Phụ nữa.

10 - 1941

Hồ Dzénh - Tác phẩm chọn lọc.

Nhà xuất bản Văn học Hà Nội, 1989.